TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ h	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 682/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Hễ
2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1449/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn C**, sinh năm: 1982
Địa chỉ: số 60 đường B6, Phường MH, quận TB, Thành phố H. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Le H**, sinh năm: 1982
Địa chỉ: số 571 Rideau Gate Mississauga On L5B2W2, Canada. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22.3.2018 và trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn C - nguyên đơn trình bày:

Tháng 6.2016, Ông và bà Le H tìm hiểu và tự nguyện sống chung sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố H (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67 ngày 13.7.2016).

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung đến tháng 12.2016 thì bà Le H về Canada sinh sống, làm việc và kể từ lúc rời khỏi Việt Nam đến nay bà Le H chưa lần nào trở về cũng không liên lạc gì với chồng. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà Le H để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông C khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp sau đó đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Canada thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán để thông

báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bà Le H không có mặt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Nguyễn C vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Le H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn C với bà Le H là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố H; bị đơn có nơi cư trú tại Canada nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, ngày 20.6.2018 Tòa án nhân dân Thành phố H đã gửi Văn bản về việc Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng cho bị đơn bà Le H theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 22.02.2019, Bộ Tư pháp có văn bản thông báo cho Tòa án về việc không thực hiện được ủy thác do đương sự không còn ở địa chỉ được yêu cầu ủy thác nên ngày 26.3.2019 Tòa án gửi văn bản đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Canada thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán để thông báo cho bị đơn bà Le H biết thời gian, địa điểm mở phiên tòa theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa bị đơn vẫn không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 23.4.2018, nguyên đơn ông Nguyễn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 13.7.2016 của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ C cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn C và bà Le H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn C thì sau khi kết hôn thời gian vợ chồng sống chung với nhau rất ngắn sau đó bà Le H về Canada sinh sống, làm việc; từ khi rời khỏi Việt Nam đến nay bà Le H không về nên vợ chồng không có điều kiện chung sống với nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt dần. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho bà Le H biết yêu cầu ly hôn của ông C và ngày Tòa án sẽ mở phiên tòa xét xử nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy bà Le H không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với ông C, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy cuộc sống chung giữa ông Nguyễn C và bà Le H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông C có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Ông C khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn C chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn C được ly hôn với bà Le H.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Ông Nguyễn C chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0044145 ngày 04.4.2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông C không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Bà Le H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan